TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 18 /ĐNB-HĐQT
V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021.

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ kính gửi Quý cơ quan thông tin sau:

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 028.35 111 999 Fax: 028. 35 111 666.
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Trịnh Văn Chương - UV HĐQT
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được lập ngày 29/03/2021, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty: http://www.pse.vn/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, GĐ, BKS (để b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
ỦY VIÊN HĐQT

M.S.D.N: 0305918852 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ Q. BÌNH THẠNH - TP HỒ CHÍ MINH

Trịnh Văn Chương

Signature Not Verified
Ký bởi: LÊ MẠNH HÙNG
Ký ngày: 30/3/2021 09:22:22

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Chương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Đức Thuận
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Deloitte.

DELOITTE VIETNAM

Making an impact since 1991

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +84 28 7101 4555
Fax : +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0507 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0100151500-002 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đào Thái Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 3 năm 2021
Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**228.458.210.637**	**220.582.839.243**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**52.780.643.800**	**65.737.319.709**
1.	Tiền	111	4	52.780.643.800	65.737.319.709
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**115.788.581.428**	**68.911.429.583**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	83.062.098.099	68.534.329.583
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	32.726.483.329	305.100.000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136		-	72.000.000
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	**7**	**59.875.266.766**	**85.931.245.685**
1.	Hàng tồn kho	141		59.875.266.766	87.779.862.954
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.848.617.269)
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**13.718.643**	**2.844.266**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	13.718.643	2.844.266
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**22.250.732.626**	**25.456.299.883**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**20.646.971.146**	**23.974.757.785**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.674.626.551	8.414.161.796
	- Nguyên giá	*222*		*35.993.934.043*	*35.435.455.280*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(30.319.307.492)*	*(27.021.293.484)*
2.	Tài sản vô hình	227	10	14.972.344.595	15.560.595.989
	- Nguyên giá	*228*		*20.207.827.000*	*20.207.827.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(5.235.482.405)*	*(4.647.231.011)*
II.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**1.603.761.480**	**1.481.542.098**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.603.761.480	1.481.542.098
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			**250.708.943.263**	**246.039.139.126**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**95.785.146.430**	**89.809.444.193**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**95.785.146.430**	**89.809.444.193**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	14.436.054.423	54.088.641.479
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	72.768.263.030	24.040.021.086
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.440.198.441	1.814.035.073
4.	Phải trả người lao động	314		4.553.569.907	7.289.518.355
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.280.717.603	1.031.035.780
6.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.306.343.026	1.546.192.420
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**154.923.796.833**	**156.229.694.933**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**15**	**154.923.796.833**	**156.229.694.933**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*125.000.000.000*	*125.000.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.136.667.519	15.442.565.619
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*5.442.565.619*	*6.953.615.411*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*8.694.101.900*	*8.488.950.208*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**250.708.943.263**	**246.039.139.126**

Trần Hữu Long	**Nguyễn Xuân Đạt**	**Lê Đức Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**1.861.390.254.688**	**1.941.733.128.416**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.218.586.926	17.534.753.916
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	**10**	**18**	**1.833.171.667.762**	**1.924.198.374.500**
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.771.871.753.675	1.860.204.485.566
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	**20**		**61.299.914.087**	**63.993.888.934**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		361.531.452	464.533.546
7. Chi phí tài chính	22		1.257.016.349	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*730.037.290*	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	35.558.884.686	35.651.027.898
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	19.468.618.968	21.643.975.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+25+26))	**30**		**5.376.925.536**	**7.163.418.628**
11. Thu nhập khác	31	22	9.072.382.046	6.651.607.843
12. Chi phí khác	32		102.926.462	61.240.537
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	**40**		**8.969.455.584**	**6.590.367.306**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**14.346.381.120**	**13.753.785.934**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.086.820.768	2.864.249.571
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**11.259.560.352**	**10.889.536.363**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**696**	**679**

Trần Hữu Long	**Nguyễn Xuân Đạt**	**Lê Đức Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***14.346.381.120***	***13.753.785.934***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.886.265.402	4.053.186.845
Các khoản dự phòng	03	(1.848.617.269)	1.848.617.269
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(861.531.452)	(464.533.546)
Chi phí lãi vay	06	730.037.290	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***16.252.535.091***	***19.191.056.502***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(46.877.151.845)	31.832.661.748
Thay đổi hàng tồn kho	10	27.904.596.188	23.446.672.149
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.191.754.254	(102.716.932.742)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(133.093.759)	1.643.990.290
Tiền lãi vay đã trả	14	(730.037.290)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.284.775.391)	(2.914.964.972)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.805.307.846)	(3.194.755.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(3.481.480.598)***	***(32.712.272.513)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ	21	(58.478.763)	(122.988.500)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	361.531.452	528.533.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***303.052.689***	***405.545.046***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.778.248.000)	(9.787.003.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(9.778.248.000)***	***(9.787.003.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(12.956.675.909)**	**(42.093.730.467)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**65.737.319.709**	**107.831.050.176**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**52.780.643.800**	**65.737.319.709**

Trần Hữu Long	**Nguyễn Xuân Đạt**	**Lê Đức Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 73 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 đang gây ra suy thoái kinh tế và tác động xấu cho hầu hết các doanh nghiệp trong nhiều ngành. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như theo sát các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc vẫn liên tục theo dõi những diễn biến liên quan đến Covid-19 và đánh giá rằng đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay cho khoản mục chi phí bán hàng và thu nhập khác tại thuyết minh số 27 bên dưới.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, biển hiệu đại lý và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phản ánh số chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau: Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải phải chiết khấu thương mại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu thương mại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	10.898.510	46.257.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.768.745.290	61.334.844.909
Tiền đang chuyển	1.000.000	4.356.217.350
	52.780.643.800	**65.737.319.709**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	**79.646.423.904**	**63.337.178.017**
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	22.273.315.663	7.611.099.966
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	12.263.497.608	8.659.065.495
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	10.672.069.837	6.234.500.000
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	10.592.132.269	15.533.550.000
Công ty TNHH SXTM DV XNK Tân Trí Phát	6.893.061.548	6.097.422.948
Công ty TNHH Hoàn Thiện	4.175.804.300	3.836.095.375
Công ty TNHH Như Linh	3.885.059.625	6.493.748.500
Công ty TNHH Đăng Việt Phụng	2.338.850.000	2.555.799.853
Công ty TNHH Minh Trung	-	1.577.787.590
Các khách hàng khác	6.552.633.054	4.738.108.290
Phải thu từ khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 25)	**3.415.674.195**	**5.197.151.566**
	83.062.098.099	**68.534.329.583**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	**6.897.008.041**	**305.100.000**
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	6.854.400.000	-
Các khách hàng khác	42.608.041	305.100.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan (Thuyết minh số 25)	**25.829.475.288**	-
	32.726.483.329	**305.100.000**

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	160.160.000	-	-	-
Hàng hoá	59.715.106.766	-	87.779.862.954	(1.848.617.269)
	59.875.266.766	**-**	**87.779.862.954**	**(1.848.617.269)**

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.848.617.269 đồng (năm 2019: trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 1.848.617.269 đồng).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ	13.718.643	2.844.266
	13.718.643	**2.844.266**
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	390.820.761	647.039.771
- Chi phí biển hiệu đại lý	970.960.691	563.579.893
- Chi phí trả trước dài hạn khác	241.980.028	270.922.434
	1.603.761.480	**1.481.542.098**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**28.200.720.133**	**128.128.000**	**5.064.728.547**	**2.041.878.600**	**35.435.455.280**
Tăng trong năm (*)	-	-	558.478.763	-	558.478.763
Số dư cuối năm	**28.200.720.133**	**128.128.000**	**5.623.207.310**	**2.041.878.600**	**35.993.934.043**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**20.958.908.623**	**85.477.169**	**4.274.822.268**	**1.702.085.424**	**27.021.293.484**
Khấu hao trong năm	2.820.994.284	21.354.666	378.761.972	76.903.086	3.298.014.008
Số dư cuối năm	**23.779.902.907**	**106.831.835**	**4.653.584.240**	**1.778.988.510**	**30.319.307.492**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**7.241.811.510**	**42.650.831**	**789.906.279**	**339.793.176**	**8.414.161.796**
Tại ngày cuối năm	**4.420.817.226**	**21.296.165**	**969.623.070**	**262.890.090**	**5.674.626.551**

(*) Thể hiện khoản xe ô tô nhận được từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần theo chương trình khuyến mại "Khuyến khích bán hàng Kali Phú Mỹ" tháng 9 năm 2020.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.851.918.147 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.559.464.765 đồng).

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**4.591.981.011**	**55.250.000**	**4.647.231.011**
Khấu hao trong năm	588.251.394	-	588.251.394
Số dư cuối năm	**5.180.232.405**	**55.250.000**	**5.235.482.405**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**15.560.595.989**	**-**	**15.560.595.989**
Tại ngày cuối năm	**14.972.344.595**	**-**	**14.972.344.595**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 55.250.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 55.250.000 đồng).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải trả người bán		
Baker Hughes Asia Pacific LTD - Baker Petrolite Division	1.264.150.990	1.264.150.990
Công ty TNHH Quảng cáo Song Hành	1.528.143.779	997.294.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Gia công Tâm Minh Tuấn	1.210.000.000	1.210.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.073.784.654	1.612.426.354
	6.076.079.423	**5.083.871.759**
b. Phải trả người bán là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	**8.359.975.000**	**49.004.769.720**
	14.436.054.423	**54.088.641.479**

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	40.040.650.500	4.119.266.328
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	27.415.175.000	1.579.400.263
Công ty Cổ phần Hoa Nam	2.531.200.000	494.029.375
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	-	10.273.250.000
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	-	7.232.832.981
Các khách hàng khác	2.676.687.530	341.242.139
	72.663.713.030	**24.040.021.086**
b. Bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	104.550.000	-
	72.768.263.030	**24.040.021.086**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	279.567.184	722.399.513	884.306.518	117.660.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.367.633.312	3.086.820.768	3.284.775.391	1.169.678.689
Thuế thu nhập cá nhân	166.834.577	1.534.001.516	1.547.976.520	152.859.573
Các loại thuế khác	-	33.535.361	33.535.361	-
	1.814.035.073	**5.376.757.158**	**5.750.593.790**	**1.440.198.441**

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền cổ tức phải trả	872.886.600	651.134.600
Phải trả, phải nộp khác	407.831.003	379.901.180
	1.280.717.603	**1.031.035.780**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**125.000.000.000**	**15.787.129.314**	**16.953.615.411**	**157.740.744.725**
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.889.536.363	10.889.536.363
Trích từ lợi nhuận	-	-	(2.400.586.155)	(2.400.586.155)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	**125.000.000.000**	**15.787.129.314**	**15.442.565.619**	**156.229.694.933**
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.259.560.352	11.259.560.352
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(2.565.458.452)	(2.565.458.452)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm này	**125.000.000.000**	**15.787.129.314**	**14.136.667.519**	**154.923.796.833**

(i) Trong năm, Công ty đã tiến hành tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 42/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 với số tiền là 2.565.458.452 đồng.

(ii) Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty sẽ chi trả cổ tức năm 2019 cho Cổ đông Công ty với mức 8%/mệnh giá (800 đồng/cổ phiếu) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 19 tháng 10 năm 2020. Theo đó, cổ tức năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 10.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*12.500.000*	*12.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*12.500.000*	*12.500.000*

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
	125.000.000.000	**100%**	**125.000.000.000**	**125.000.000.000**

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Hàng hoá nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các đại lý với số lượng 7.459 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8.945 tấn).

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phân bón	1.843.116.210.000	1.922.565.644.122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.274.044.688	19.167.484.294
	1.861.390.254.688	**1.941.733.128.416**
Chiết khấu thương mại	28.218.586.926	17.534.753.916
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.833.171.667.762**	**1.924.198.374.500**
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	**20.917.569.208**	**18.821.506.712**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón	1.756.141.667.909	1.843.896.263.743
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.730.085.766	16.308.221.823
	1.771.871.753.675	**1.860.204.485.566**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.369.837.579	2.249.053.780
Chi phí nhân công	25.759.401.909	24.968.565.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.886.265.402	4.053.186.845
Chi phí dự phòng	-	1.848.617.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.902.736.874	20.823.396.601
Chi phí khác bằng tiền	11.046.510.065	9.328.667.595
	61.964.751.829	**63.271.488.040**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	14.091.932.666	13.350.449.281
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.239.943.368	2.016.375.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.895.055.934	2.892.455.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.005.344.211	9.180.266.210
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.326.608.507	8.211.481.638
	35.558.884.686	**35.651.027.898**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.194.486.249	10.399.064.419
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.894.211	232.678.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	991.209.468	1.160.731.378
Thuế, phí và lệ phí	6.346.960	6.346.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.426.780.522	8.734.315.722
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	719.901.558	1.110.838.997
	19.468.618.968	**21.643.975.954**

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Hàng biếu tặng	9.060.260.600	6.639.674.068
Khác	12.121.446	11.933.775
	9.072.382.046	**6.651.607.843**

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.007.145.304	2.864.249.571
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	79.675.464	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.086.820.768**	**2.864.249.571**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**14.346.381.120**	**13.753.785.934**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**689.345.399**	**567.461.922**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*689.345.399*	567.461.922
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	15.035.726.519	14.321.247.856
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	**3.007.145.304**	**2.864.249.571**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**11.259.560.352**	**10.889.536.363**
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.565.458.452)	(2.400.586.155)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**8.694.101.900**	**8.488.950.208**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**696**	**679**

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	Chi nhánh của Công ty mẹ
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.845.760.183	16.113.662.518
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.380.362.775	2.707.844.194
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.690.400.000	-
Bán hàng cho công ty liên quan khác	1.046.250	-
	20.917.569.208	**18.821.506.712**
Mua hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.698.480.620.905	1.806.655.872.310
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	6.874.762.500
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	890.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp HCM	523.930.000	-
Khác	2.420.000	-
	1.699.006.970.905	**1.814.420.634.810**
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.500.000.000	10.054.507.100
Thu nhập khác – hàng khuyến mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.060.260.600	6.639.674.068

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
Phạm Hùng	635.650.743	697.266.691
Đặng Hữu Thắng	48.000.000	48.000.000
Lê Quang Thành	48.000.000	48.000.000
Trịnh Văn Chương	48.000.000	48.000.000
Ban Giám đốc		
Lê Đức Thuận	640.606.743	707.242.142
Trịnh Văn Chương	514.092.252	548.917.805
Nguyễn Tiến Sỹ	581.141.755	630.426.428
	2.515.491.493	**2.727.853.066**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.083.396.441	4.541.130.370
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	332.277.754	656.021.196
	3.415.674.195	**5.197.151.566**
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	25.829.475.288	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.357.555.000	49.004.769.720
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.420.000	-
	8.359.975.000	**49.004.769.720**
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	104.550.000	-

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lãi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm 500.000.000 đồng, là giá trị tài sản cố định nhận được từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần theo chương trình khuyến mại, không thu tiền.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 221.752.000 đồng, là cổ tức mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (năm 2019: 212.997.000 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí bán hàng	25	29.011.353.830	6.639.674.068	35.651.027.898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13.803.092.696	(6.639.674.068)	7.163.418.628
Thu nhập khác	31	11.933.775	6.639.674.068	6.651.607.843
Lợi nhuận khác	40	(49.306.762)	6.639.674.068	6.590.367.306

Trần Hữu Long	**Nguyễn Xuân Đạt**	**Lê Đức Thuận**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 29 tháng 3 năm 2021